

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Ngọc Tự)

Đơn vị

STT	Nội dung	Dự toán	thực hiện		6 tháng đầu năm (%)
			6 tháng đầu năm	Lũy kế 6 tháng đầu năm	Dự toán
A	B	1	2	3	4=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.860	8.375	8.375	60,43
I	Thu nội địa	13.860	8.375	8.375	60,43
II	Thu từ dầu thô				-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-
IV	Thu viện trợ				-
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	107.636	84.236	84.236	78,26
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	9.995	5.426	5.426	54,29
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3.038	1.265	1.265	41,64
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	-			-
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	6.957	4.161	4.161	59,81
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	97.641	56.861	56.861	58,23
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	90.037	47.784	47.784	53,07
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.604	9.077	9.077	119,37
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-
IV	Thu kết dư				-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		21.949	21.949	-
C	TỔNG CHI NSDP	107.636	60.894	60.894	56,57
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	100.032	50.407	50.407	50,39
1	Chi đầu tư phát triển	3.212	2.341	2.341	72,88
2	Chi thường xuyên	94.819	48.066	48.066	50,69
3	Chi cho vay			-	-
4	Chi viện trợ			-	-
5	Chi trả nợ lãi			-	-
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-
7	Dự phòng NSNN	2.001	-	-	-
8	Các nhiệm vụ chi khác			-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	7.604	10.487	10.487	137,91
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				-

biểu số 54

ị: Triệu đồng

ầu năm so
o)

**Cùng kỳ
năm trước**

5,00

[illegible]

THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Ngok Tự)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		6 tháng đầu năm so (%)	
			6 tháng đầu năm	Lũy kế 6 tháng đầu năm	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.860	8.375	8.375	60,43	
I	Thu nội địa	13.860	8.375	8.375	60,43	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	1.280	425	425	33,24	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN				-	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.105	4.996	4.996	49,44	
4	Thuế thu nhập cá nhân	840	1.186	1.186	141,23	
5	Thuế bảo vệ môi trường				-	
6	Các loại phí, lệ phí	780	1.055	1.055	135,28	
	<i>Trởo: Lệ phí trước bạ</i>	<i>500</i>	<i>803</i>	<i>803</i>	<i>160,64</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	250	55	55	21,94	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				-	
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>		4	4	-	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>		34	34	-	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	250	17	17	6,96	
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>				-	
8	Thu tiền sử dụng khu vực biên				-	
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công				-	
10	Thu từ hoạt động xổ số				-	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biên	520	517	517	99,34	
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước				-	
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>				-	
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>				-	
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác				-	
14	Thu khác ngân sách	85	141	141	165,92	
II	Thu từ dầu thô				-	
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
2	Thuế xuất khẩu				-	
3	Thuế nhập khẩu				-	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu				-	
7	Thuế khác				-	
IV	Thu viện trợ				-	
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác				-	
1	Thuế GTGT				-	
2	Thuế TTĐB				-	
3	Hoàn các khoản thu khác				-	
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.995	5.426	5.426	54,29	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	3.038	1.265	1.265	41,64	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)	-		-	-	
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.957	4.161	4.161	59,81	

THỰC HIỆN CHI NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Ngọc Tự)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Thực hiện		6 tháng đầu năm so (%)	
			6 tháng đầu năm	Lũy kế 6 tháng đầu năm	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	107.636	60.894	60.894	56,57	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	100.032	50.407	50.407	50,39	
I	Chi đầu tư phát triển	3.212	2.341	2.341	72,88	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	3.212	2.341	2.341	72,88	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-	-	
II	Chi trả nợ lãi			-	-	
III	Chi thường xuyên	94.819	48.066	48.066	50,69	
	Trong đó:			-	-	
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	61.398	30.153	30.153	49,11	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-		-	-	
IV	Chi cho vay			-	-	
V	Chi viện trợ			-	-	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.001		-	-	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế			-	-	
IX	Các nhiệm vụ chi khác			-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN CHO NSDP	7.604	10.487	10.487	137,91	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án			-	-	
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	7.604	10.487	10.487	137,91	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				-	

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Ngọc Tự)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	2.001	20	1.981	-	-	-	-	-	-
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	2.001	20	1.981						

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN,
DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Ngọc Tự)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số	887	161	726
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ	-		
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính	-		
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	74	74	
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	813	87	726
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	-		
6	Thường vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			